TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/10/2018
V/v: "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Bích Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hùng .

2. Ông Nguyễn Văn Lực.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2018/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 05 năm 2018 về việc ***"Ly hôn",*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 05/10/2018.

- Nguyên đơn: Trần Kim T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: 45 ấp B,Thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ngô Phú H, sinh năm 1975;

Địa chỉ: 201 ấp Bình Phú Q, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN THẤY:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa nguyên đơn Trần Kim T trình bày: Chị T và anh H chung sống với nhau như vợ chồng năm 2015 không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống không có con chung, tài sản chung có 05 chỉ vàng 24k hiện anh H giữ, chị T và anh H chung sống hạnh phúc đến tháng 2/2018 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H không quan tâm đến chị T dẫn đến việc chị T hư thai anh H cũng không quan tâm.

Ngày 05/10/2018 chị T có văn bản trình bày ý kiến xin rút yêu cầu chia tài sản chung đối với anh H.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay đã tống đạt thông báo thụ lý cho anh H (cha anh H là ông Đại chung hộ nhận thay) anh H cũng không có văn bản trình bày ý kiến

về việc khởi kiện của nguyên đơn, Thẩm phán đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần anh H ký nhận nhưng không đến.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật: Chị T xin ly hôn với anh H có hộ khẩu thường trú tại ấp Bình Phú Q, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn" theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Anh H là bị đơn trong vụ án đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện V theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị T và anh H được xác lập năm 2015, anh và chị có đủ điều kiện kết hôn theo luật định nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Lẽ ra anh chị phải đi làm các thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định để được Nhà nước công nhận và cấp giấy chứng nhận kết hôn, trở thành hôn nhân hợp pháp thì sẽ được pháp luật bảo vệ tạo điều kiện cho anh chị khắc phục giản hòa những khó khăn tạm thời, những bất hòa mâu thuẫn trong cuộc sống để tiếp tục duy trì cuộc sống chung tạo điều kiện hàng gắn để vợ chồng trở lại đầm ấm đạt được hạnh phúc.

Nhưng bởi do hạn chế nhận thức về hôn nhân gia đình, trong quá trình chung sống với nhau xảy ra bất hòa mâu thuẫn, chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 02/2018 đến nay, do anh chị không đăng ký kết hôn nên yêu cầu xin ly hôn của chị T cũng không phù hợp. Bởi tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Do vậy việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn giữa chị T và anh H thì không được pháp luật thừa nhận nên buộc phải tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị T và anh H là quan hệ vợ chồng làm cơ sở pháp lý chấm dứt việc chung sống như vợ chồng

Quá trình chung sống anh trọng và chị Thanh không có con chung, nên không xem xét giải quyết.

Trong quá trình thu thập chứng cứ chị T có bảng trình bày ý kiến xin rút yêu cầu chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài của chị T với anh H.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ST.HNGĐ theo luật định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Trần Thị Thúy và anh Ngô Phú H là quan hệ vợ chồng.
- Về con chung: Không
- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.
- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Chị Trần Thanh T có nghĩa vụ nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí nộp ngày 29/5/2018 theo biên lai số 0001586 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, chị T không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND H.V;
- CC THA-DS H.V;
- Các đ/s;
- Lưu HS, AV.

Đã ký

Trương Thị Bích Thủy